

Số : /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Gắn nhiệm vụ phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững với nhiệm vụ phát triển nông nghiệp hàng hóa, phát triển rừng bền vững, xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh theo hướng nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đa dạng, phù hợp với yêu cầu của thị trường.

- Xây dựng nông thôn văn minh, có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ; phát triển nông thôn gắn với du lịch, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp, an ninh được giữ vững, phát triển môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

2. Yêu cầu

Bám sát nội dung Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các văn bản của Trung ương, của tỉnh để cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển nông nghiệp, nông thôn đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững gắn với sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh theo hướng canh tác thân

thiện với môi trường, bảo vệ hệ sinh thái. Tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao, hiệu quả, bền vững. Từng bước phát triển nông thôn của tỉnh một cách toàn diện, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp, an ninh trật tự được đảm bảo. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm nghiệp, thủy sản bình quân đạt trên 5%/năm. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 230.000 tấn. Ổn định 3.500 ha lúa hàng hóa, trong đó có khoảng 2.000 ha lúa đặc sản. Giữ ổn định và đầu tư thâm canh diện tích chè trên 10.000 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 90.000 tấn/năm. Diện tích mắc ca đạt khoảng 35.000ha. Sản lượng mủ cao su đạt khoảng 14.000 tấn/năm. Phát triển trên 9.800 ha cây ăn quả tập trung. Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt bình quân 5%/năm. Trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác 35.000 ha, nâng tổng diện tích rừng trồng toàn tỉnh lên trên 55.000 ha.

- Nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững. Thu nhập bình quân của cư dân nông thôn đạt khoảng 60 triệu đồng/năm; giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bình quân khu vực nông thôn đạt 2 - 3%/năm.

- Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn bình quân trên 9.000 lao động/năm; Giảm tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông - lâm - thủy sản xuống còn 54,2%; Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề đạt trên 70%.

- Có 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 15% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có thêm 03 huyện (Tân Uyên, Thuận Uyên, Tam Đường) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường ở nông thôn; Tỷ lệ che phủ rừng đạt 56%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 1.000 ha.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phấn đấu tỉnh Lai Châu trở thành tỉnh có nền nông nghiệp phát triển trung bình của cả nước với nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa tập trung, thân thiện với môi trường, gắn với du lịch; xây dựng các cơ sở sơ chế, chế biến sâu tại các vùng sản xuất, xây dựng thương hiệu và phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Xây dựng nông thôn văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống, thu nhập cư dân nông thôn tiệm cận với khu vực thành thị.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển hàng hóa tập trung

Phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh cùng với xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, hiệu quả, bền vững với năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao, gắn với xây dựng các cơ sở chế biến sâu. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn về tư duy, phương thức tổ chức theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, tạo chuỗi giá trị sản phẩm có thương hiệu.

- Về trồng trọt: Đổi mới cơ cấu cây trồng, ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực được xác định trong đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa của tỉnh như: Mắc ca, cao su, chè, lúa gạo, cây ăn quả nhiệt đới, rau hoa củ quả... cùng với phát triển các sản phẩm đặc hữu của tỉnh như cây dược liệu. Thực hiện hỗ trợ giống trồng mới, vật tư phân bón và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất an toàn. Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp trực tiếp đầu tư hoặc liên kết với nông dân trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ tập trung đất đai, hỗ trợ áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong sản xuất.

Giữ vững diện tích 3.500ha lúa hàng hóa, trong đó có khoảng trên 50% diện tích lúa đặc sản địa phương. Phát triển trồng mới các giống chè chất lượng cao như Kim tuyên, PH8, Shan... Bảo tồn và phát triển vùng chè cổ thụ hiện có. Nâng cao chất lượng, giá trị, thương hiệu chè Lai Châu. Duy trì chăm sóc, quản lý bảo vệ tốt diện tích cao su hiện có, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng sản lượng khai thác, tăng thu nhập từ cao su. Sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo vệ môi trường trong chế chế biến mủ cao su. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học và chỉ đạo chặt chẽ việc đảm bảo tuân thủ quy trình kỹ thuật trong phát triển cây ăn quả (làm đất, giống, chăm sóc...). Khuyến khích doanh nghiệp liên kết với người dân sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm để phát triển cây ăn quả bền vững. Phát triển trồng rau, củ quả, hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất các loại rau chính vụ, trái vụ, liên kết cung cấp cho các nhà máy chế biến... Riêng loài hoa địa lan, tập trung tại các xã vùng cao huyện Sìn Hồ, Phong Thổ, Tam Đường và một số vùng lân cận có điều kiện phù hợp. Thực hiện hỗ trợ tập trung đất đai để thu hút doanh nghiệp trực tiếp đầu tư hoặc liên kết với nông dân trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm mắc ca.

- Về chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi toàn diện, trong đó tập trung chăn nuôi lợn và gia cầm; chú trọng phát triển chăn nuôi trâu, bò thịt, những sản phẩm có tiềm năng và lợi thế theo hướng tăng nhanh năng suất, sản lượng và hiệu quả để đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho nhu cầu trong tỉnh và xuất ra ngoài tỉnh; đồng thời phát triển sản phẩm chăn nuôi đặc sản của vùng, địa phương; thực hiện tái cơ cấu ngành

chăn nuôi theo nhu cầu thị trường, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị thông qua việc liên kết chặt chẽ giữa sản xuất chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, trong đó các khâu của quá trình sản xuất đều được kiểm soát, bảo đảm an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Củng cố, khuyến khích các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi; đồng thời hỗ trợ, tạo điều kiện cho hộ chăn nuôi theo phương thức truyền thống chuyển dần sang phương thức chăn nuôi theo hướng tập trung trang trại, công nghiệp. Trong đó thực hiện cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng việc thụ tinh nhân tạo hoặc phối giống trực tiếp từ con giống đực có thể trạng tốt, năng suất cao như: Bò 3B, lai Sind, trâu ngổ... Đối với chăn nuôi lợn, khuyến khích, hỗ trợ xây dựng chuồng trại tập trung, làm hầm biogas, sử dụng đệm lót sinh học, áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Đẩy mạnh phát triển đàn ngựa, dê, thỏ theo hướng sản xuất hàng hóa, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn chăn nuôi với chế biến và thị trường tiêu thụ. Khai thác tiềm năng đất đai, rừng để hình thành, phát triển nghề nuôi ong trên địa bàn toàn tỉnh. Khuyến khích nuôi thả đàn ong theo hướng tự nhiên, kiểm soát dịch bệnh, áp dụng quy trình sản xuất chăn nuôi an toàn sinh học, thân thiện môi trường.

- Về thủy sản: Phát triển đa dạng các sản phẩm thủy sản phù hợp với nhu cầu thị trường, chú trọng phát triển mở rộng vùng nuôi cá lồng, cá nước lạnh với các giống đặc sản có giá trị cao như: Cá lăng, chiên, tầm, hồi... Tổ chức lại sản xuất nuôi trồng thủy sản theo hướng liên kết các khâu trong chuỗi giá trị; đẩy mạnh việc áp dụng các thành tựu mới trong lĩnh vực công nghệ sinh học để triển khai nhân rộng các mô hình nuôi sử dụng chế phẩm sinh học, nâng cao công tác phòng bệnh, hạn chế sử dụng kháng sinh trong trị bệnh để tạo ra các sản phẩm an toàn, chất lượng cao. Ứng dụng công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng trong hoạt động sản xuất thủy sản, giảm thiểu các tác động do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Khuyến khích áp dụng truy xuất nguồn gốc, cấp nhãn hiệu, chỉ dẫn vùng nuôi để xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản hàng hóa. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển hoạt động sơ chế, chế biến thủy sản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh, tiêu thụ sản phẩm.

- Về lâm nghiệp: Tập trung quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có và diện tích rừng tăng thêm hàng năm gắn với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng, gắn trách nhiệm của các chủ rừng, các tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi từ rừng với công tác quản lý, bảo vệ rừng. Kiểm soát chặt chẽ các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, đặc biệt là các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng

phòng hộ. Đánh giá và hoàn thiện các thủ tục thành lập khu rừng đặc dụng tại huyện Mường Tè để quản lý, bảo tồn các loài động vật, thực vật quý, hiếm, rừng biên giới. Phát triển du lịch sinh thái và kinh tế dưới tán rừng góp phần phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác và trồng cây phân tán. Thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất đến chu kỳ khai thác. Hỗ trợ, đầu tư mở đường lâm nghiệp, tạo cơ sở hạ tầng phục vụ vùng trồng rừng sản xuất.

2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, phát triển hạ tầng vùng sản xuất hàng hóa tập trung

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chuỗi sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm (từ khâu làm đất, giống, chăm sóc, chế biến...). Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật, khoa học công nghệ cho người dân về sản xuất, thâm canh các đối tượng nông nghiệp hàng hóa tập trung; hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng, thực hiện tốt các quy trình sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp trong nhà màng, nhà lưới...tạo ra các sản phẩm sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng các thị trường. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó ưu tiên hỗ trợ nhà màng, nhà lưới và hệ thống tưới tiên tiến bên trong nhà màng.

- Chuyển giao, áp dụng các ứng dụng về chế phẩm sinh học trong bảo vệ thực vật, phân vi sinh để phục vụ chăm sóc và bảo vệ cây trồng, mang lại giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường. Ứng dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc thảo dược và phân bón sinh học vào vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Tăng cường xây dựng các mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư thiết bị hiện đại, đổi mới dây chuyền công nghệ, ứng dụng công nghệ sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt và đồng đều để nâng cáo giá trị các sản phẩm. Gắn sản xuất với công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng đối với các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa của tỉnh.

- rà soát toàn bộ hạ tầng các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Phát triển hạ tầng thiết yếu các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ưu tiên nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng nhất là hạ tầng thủy lợi, giao thông nội đồng. Đảm bảo hệ thống hạ tầng được đầu tư đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sản xuất.

3. Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn

- Tập trung đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá

trị; phát triển mạnh các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng kinh tế giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã. Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong việc định hướng cho nông dân và hợp tác xã về quy mô, chất lượng, quy cách nông sản và thị trường tiêu thụ; hợp tác xã, tổ hợp tác là đầu mối đại diện của nông dân tham gia các liên kết với doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác, trang trại và kinh tế hộ gia đình. Hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác xã nông nghiệp mở rộng các ngành nghề dịch vụ gắn với chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa.

- Thu hút doanh nghiệp ngoại tỉnh, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã trong tỉnh. Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp có uy tín, năng lực đầu tư vào các vùng sản xuất hàng hóa, gắn với bao tiêu sản phẩm.

- Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã nhằm hình thành và phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, trở thành lực lượng quan trọng phát triển nông nghiệp hàng hóa. Củng cố 100% hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã.

4. Phát triển kinh tế nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP

- Tập trung chỉ đạo, lãnh đạo đẩy mạnh chương trình OCOP nhằm phát huy sức mạnh của cộng đồng, người dân để hình thành các sản phẩm truyền thống, đặc sản địa phương, góp phần tăng thu nhập, hoàn thành tiêu chí thu nhập. Tập trung hỗ trợ các chủ thể phát triển ý tưởng, tham gia bình chọn sản phẩm OCOP, hỗ trợ bao bì, nhãn mác, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm... Tăng cường hỗ trợ giúp người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hình thành ý tưởng phát triển các sản phẩm thông qua các chương trình, chính sách, dự án...

- Phát triển công nghiệp chế biến, các ngành nghề thu hút nhiều lao động ở nông thôn. Trên cơ sở các vùng sản xuất hàng hóa tập trung của tỉnh, tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các nhà máy sơ chế, chế biến bảo quản nông sản nâng cao giá trị sản xuất, như: rau màu thực phẩm, chế biến chè, mủ cao su; mắc ca; cây dược liệu... Tập trung xây dựng thương hiệu đối với những sản phẩm nông sản có thế mạnh của tỉnh như: Cây ăn quả nhiệt đới, gạo đặc sản địa phương, chè, dược liệu quý, lâm sản. Thực hiện chuỗi liên kết sản xuất chế biến, tiêu thụ giữa người nông dân với các doanh nghiệp vùng sản xuất tập trung để nâng cao thu nhập, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

- Tiếp tục duy trì và phát triển các làng nghề hiện có, phát triển các làng nghề, dịch vụ, phát triển nông, lâm nghiệp gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái vùng nông thôn.

- Phát triển mạnh phong trào thanh niên nông thôn khởi nghiệp; phát huy vai trò tổ chức hội nông dân, nòng cốt trong phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, liên kết hợp tác ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào sản xuất. Tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề gắn với thị trường lao động. Phát triển hình thức hợp đồng đào tạo nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn, đa dạng hóa các loại hình, quy mô.... để tạo việc làm, thu hút lao động. Nâng cao hiệu quả, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân phát triển kinh tế trang trại và kinh tế hợp tác.

5. Xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, cải thiện nhanh điều kiện sinh sống ở các vùng nông thôn

- Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đầu tư các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới; hỗ trợ các xã đạt chuẩn tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. Khuyến khích xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống. Phát triển các sản phẩm đặc sản của địa phương, làng nghề. Thực hiện hiệu quả Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2025.

- Tiếp tục đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng nông thôn, hạ tầng vùng sản xuất, nhất là giao thông nông thôn; tập trung đầu tư xây dựng những vùng thôn, bản chưa có đường giao thông thuận lợi. Triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành thủy lợi gắn chặt với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ thủy lợi và gắn với nâng cao hiệu quả quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Đảm bảo đáp ứng năng lực tưới tiêu cho diện tích sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay.

- Đảm bảo hạ tầng lưới điện an toàn, hoạt động ổn định, đáp ứng đầy đủ yêu cầu điện năng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đến năm 2030 có 99% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia.

- Tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; sửa chữa các công trình hỏng hóc xuống cấp; đầu tư xây dựng mới các

công trình nước sinh hoạt tại những thôn bản còn chưa được sử dụng nước hợp vệ sinh, phần đầu 100% thôn bản, hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở xã, thôn, bản; huy động mọi nguồn lực xã hội có sự hỗ trợ của Nhà nước trong việc xây dựng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch. Có biện pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống vùng nông thôn gắn với phát triển văn hóa tiên bộ, văn minh, nâng cao đời sống tinh thần của nông dân.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, trọng tâm đổi mới giáo dục, nâng cao chất lượng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; đảm bảo cơ sở vật chất giáo dục, xây dựng trường chuẩn, trường chất lượng cao; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; phát triển trung học phổ thông gắn với hướng nghiệp dạy nghề. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đặc biệt là tại tuyến y tế cơ sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Xây dựng, phát triển mô hình xã, bản kiểu mẫu về xây dựng nông thôn mới, khu dân cư thôn, bản tự quản về quản lý và bảo vệ môi trường nông thôn phù hợp điều kiện miền núi, nhân rộng trong các địa phương; nâng cao năng lực tổ chức thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới của cấp ủy, chính quyền cơ sở. Phát huy vai trò chủ thể của người dân, trách nhiệm cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới. Tạo sự chuyển biến tích cực rõ nét hơn tới từng hộ gia đình trong sản xuất và đời sống của nông dân nông thôn.

6. Phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn

- Lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt đồng bộ các giải pháp thực hiện chương trình giảm nghèo, trọng tâm vùng có tỷ lệ nghèo cao, thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất, tín dụng, tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo. Rà soát, phân loại kỹ các hộ nghèo từ cơ sở để làm cơ sở hỗ trợ cho phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng. Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động và giới thiệu việc làm trong nước, nước ngoài cho lao động nông thôn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, chăm lo chuyển đổi sản xuất của đồng bào, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người dân vùng khó khăn, chăm lo cho đối tượng gia đình chính sách, người có công, góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho người dân vùng nông nghiệp, nông thôn.

7. Xây dựng cộng đồng vững mạnh làm nòng cốt phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp

- Cùng cố truyền thống văn hóa tốt đẹp và quan hệ gắn kết cộng đồng đa dạng tại nông thôn để chủ động phát huy nội lực và tinh thần tự chủ, tự hào, đoàn kết, sáng tạo trong các hoạt động đời sống, phát triển kinh tế, phát triển du lịch nông thôn, tăng hiệu quả quản lý xã hội và tài nguyên thiên nhiên. Hỗ trợ và phát huy vai trò của cộng đồng và người dân trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương, đấu tranh đẩy lùi hủ tục, văn hóa ngoại lai. Phát huy các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”.

- Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của tổ chức cộng đồng, quy ước, hương ước, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” nhằm tạo động lực để khơi dậy sức mạnh và nguồn lực nhân dân trong quá trình phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, quản lý bảo vệ rừng, tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở.

8. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích nghi biến đổi khí hậu

- Quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ yêu cầu phát triển bền vững, nhất là quản lý sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch, phòng chống suy thoái tài nguyên đất, giảm tối đa sản xuất nương rẫy quảng canh, quản lý chặt chẽ sử dụng tài nguyên nước, tài nguyên rừng, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm nguồn nước gắn với bảo vệ môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước...

- Tăng cường bảo vệ môi trường ở nông thôn; chú trọng xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước, cam kết về bảo vệ môi trường và các mô hình tự quản về môi trường của cộng đồng dân cư.

- Xây dựng phương án quản lý, vận hành hồ chứa phục vụ chống hạn, chống lũ; rà soát các khu vực có nguy cơ tai biến địa chất, bố trí sắp xếp lại dân cư các khu vực có nguy cơ cao sạt lở đất khi mưa, lũ.

- Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai; chủ động đối phó và khắc phục hậu quả theo phương châm 4 tại chỗ, với phương châm phòng là chính.

- Kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư. Kiên quyết không chấp thuận đầu tư, cấp phép, triển khai các dự án không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm, ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; thúc đẩy triển khai nhanh dự án chống biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh, thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn

biến thời tiết, thiên tai; có biện pháp xử lý kịp thời với các tình huống thời tiết cực đoan gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đe dọa tính mạng, tài sản của nhân dân.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới, về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

- Tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị chuyên đề để triển khai, thực hiện việc đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững trong điều kiện thực tế của tỉnh.

- Cập nhật các giải pháp, quy trình kỹ thuật, mô hình sản xuất hay, có hiệu quả cao về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trong cả nước nhằm phổ biến đến doanh nghiệp và người dân thông qua các phương thức cung cấp thông tin khác nhau.

2. Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình và kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Phát triển mô hình liên kết 5 nhà (nhà nông - nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà khoa học - nhà băng), gắn kết 4 nhà trong sản xuất nông nghiệp tạo chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; nâng cao hiệu quả hoạt động công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên nông nghiệp. Khuyến khích tụ, tập trung ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại, đẩy mạnh cơ giới hóa.

- Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Khuyến khích và hỗ trợ các hợp tác xã phát triển thành doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động xây dựng chuỗi giá trị nông sản. Hoàn thành sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; trình độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đổi mới hình thức tổ chức, chương trình, phương pháp đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là kỹ năng về nông

nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của người dân nông thôn; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm, xu hướng và nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của từng vùng miền

- Hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo lao động kỹ thuật phục vụ cho công tác chế biến. Tăng cường đào tạo nghề cho công nhân các nhà máy chế biến, cụm công nghiệp, đào tạo nghề cho nông dân các vùng sản xuất tập trung, gắn đào tạo nghề với sản xuất các sản phẩm hàng hóa.

- Tập trung phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ, tiếp tục đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao, đủ sức tiếp cận và hội nhập với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên toàn quốc và thế giới, có khả năng ứng dụng, tiếp nhận và chuyển giao các công nghệ mới, hiện đại, góp phần đưa sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp cận đến một nền kinh tế tri thức, tạo lập cơ sở thực tiễn để phát triển bền vững. Đổi mới hoạt động của các tổ chức nghiên cứu khoa học công lập theo hướng nâng cao tính tự chủ; đẩy mạnh cơ chế đặt hàng và đấu thầu nhiệm vụ khoa học công nghệ nhằm khuyến khích rộng rãi nhiều thành phần tham gia nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ (nhà nước - tổ chức nghiên cứu - doanh nghiệp - tổ chức chuyển giao và nông dân) nhằm gắn chặt với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả đầu tư”.

- Tiếp tục tập trung đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sản xuất và chế biến nông sản, tập trung phát triển sản phẩm có lợi thế so sánh, có khả năng cạnh tranh vào thị trường tiêu thụ; đa dạng hóa thị trường, cả trong nước và xuất khẩu.

4. Phát triển thị trường trong và ngoài nước, đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, nhất là các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, hỗ trợ phát triển thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại quảng bá sản phẩm. Thực hiện tốt sự liên kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ, giữa các thành phần kinh tế và nông dân.

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh, kịp thời thông tin đến doanh nghiệp và người dân để chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu

thị trường, hạn chế thấp nhất tình trạng thừa cung, ứ ứ hàng hóa, đứt gãy chuỗi cung ứng. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân (xây dựng chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu...).

- Tiếp tục duy trì, phát huy các thị trường xuất khẩu hàng hóa truyền thống như: Trung Quốc, Afghanistan, Đài Loan.... Đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tìm kiếm, mở rộng, đa dạng hóa thị trường mới, nhất là các nước tham gia các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết như: ASEAN, EVFTA, CPTPP, Ấn Độ, Hàn Quốc...

- Kịp thời nắm bắt thông tin về thị trường như: Nhu cầu, chính sách thuế quan, rào cản kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa... trong nước và nước ngoài để có định hướng chỉ đạo tổ chức sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ; đồng thời thông tin đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân có kế hoạch sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Hỗ trợ xây dựng hoặc liên kết hệ thống các cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại trung tâm các huyện, thành phố, các điểm du lịch của tỉnh. Tăng cường liên kết với Trung tâm xúc tiến và đầu tư, trung tâm giới thiệu sản phẩm các tỉnh bạn.

5. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng

- Thúc đẩy phát triển ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tại các khu dân cư tập trung; phát triển các cụm công nghiệp và dịch vụ phục vụ nông nghiệp gắn với các vùng chuyên canh, trung tâm thu gom nông sản nhằm hỗ trợ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

- Triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thiện hạ tầng vùng sản xuất của tỉnh, đặc biệt là hạ tầng giao thông nội đồng, thủy lợi. Tiếp tục xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, nâng cấp hệ thống đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện, phát triển hệ thống giao thông nông thôn, liên xã, liên bản.

6. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp

- Từng bước thực hiện số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Ứng dụng các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số

trong nông nghiệp nông thôn. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số trong nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo dịch bệnh, thiên tai, quản lý vùng nguyên liệu.

7. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất; tăng cường xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp. Quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng mới, nhất là trồng cây gỗ lớn và rừng sản xuất. Tập trung thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên để phát huy tối đa khả năng tái sinh, diễn thế tự nhiên phục hồi rừng.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích sử dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro để đề ra các giải pháp đồng bộ, chủ động bảo vệ sản xuất trước các nguy cơ về dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường...

8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững

- Hợp tác tốt với các đơn vị nghiên cứu khoa học và phát triển ứng dụng nông nghiệp bền vững của các nước trong khu vực để hợp tác nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao các công nghệ tiên tiến thông qua con đường viện trợ hoặc thương mại. Không ngừng củng cố, tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã và đang hoạt động tại tỉnh; thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài để đẩy mạnh hợp tác về lĩnh vực nông nghiệp.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch xúc tiến xuất khẩu hàng hóa; thông tin kịp thời danh sách cảnh báo các sản phẩm có nguy cơ bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp đến các cơ quan, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

9. Hoàn thiện và triển khai một số cơ chế, chính sách đột phá

a) Chính sách đất đai

- Hoàn thiện công tác quy hoạch, lập bản đồ địa chính, dữ liệu quản lý đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo thuận lợi trong giao dịch, bảo đảm về đất đai; tiếp tục rà soát, sửa đổi đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm. Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ chuyển đổi tập trung đất đai theo Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh nhằm tích tụ tập trung đất đai để tạo vùng sản xuất. Tạo điều kiện thuận lợi nhất trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài để các tổ chức, cá nhân có điều kiện pháp lý vay vốn ngân hàng và yên tâm đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Nâng cao chất lượng quản lý sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ theo hướng công nghệ số nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường.

b) Chính sách tài chính, tín dụng

- Rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp phù hợp thúc đẩy sản xuất vùng khó khăn, đồng thời tạo động lực phát triển vùng sản xuất hàng hoá tập trung có thể mạnh. Tăng cường các hoạt động tín dụng cho vay nông nghiệp, nông thôn; cải cách thủ tục và điều kiện cho vay sản xuất nông nghiệp; ưu tiên nguồn vốn cho vay các dự án sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia. Huy động tối đa nguồn lực của tỉnh, huyện, xã, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, vốn đầu tư của doanh nghiệp, tư nhân và trong nhân dân để đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn và mở rộng quy mô phát triển sản xuất nông sản hàng hoá tập trung, các sản phẩm chất lượng cao, sản phẩm đã có thương hiệu.

c) Chính sách về đầu tư

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp. Tăng cường thu hút các nguồn lực vốn từ các thành phần kinh tế là chính, ngân sách nhà nước mang tính chất hỗ trợ một phần, các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất phải chủ động trong huy động nguồn vốn.

- Đổi mới cơ chế, đơn giản thủ tục, tạo điều kiện khuyến khích thu hút viện trợ quốc tế, đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

10. Giám sát, đánh giá

- Tổ chức giám sát, đánh giá các chương trình, đề án thực hiện Kế hoạch

này theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất. Tổ chức sơ tổng kết việc thực hiện kế hoạch hàng năm để phát hiện các khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh cho phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá ngành nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu kịp thời, chính xác, phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và phát triển sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch này, yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố, đơn vị liên quan chủ động triển khai thực hiện, cụ thể hóa trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm đảm bảo mục đích, yêu cầu và mục tiêu đề ra. Bố trí, lồng ghép các nguồn lực trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia, các Đề án, Nghị quyết của tỉnh và huy động nguồn lực hợp pháp theo quy định của pháp luật để thực hiện tốt Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện của các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định. Rà soát các cơ chế, chính sách có liên quan đến phát triển nông nghiệp của Trung ương và của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Đẩy mạnh thực hiện hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp theo Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung thực hiện hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh”.

4. Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và các quy định hiện hành tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cân đối, bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển để thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định liên quan

pháp luật về đầu tư công. Tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư; tư vấn, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức cá nhân tìm kiếm cơ hội đầu tư, thực hiện dự án đầu tư, gắn với thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

6. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng làng, xã thông minh. Phối hợp triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

7. Sở Lao động – Thương binh và xã hội: Tham mưu, thực hiện các giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đào tạo lao động kỹ thuật, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm, xu hướng và nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo định hướng đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học...cho các con em địa phương, tạo nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề về phục vụ tỉnh nhà.

8. Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch: Tham mưu thực hiện các giải pháp phát triển du lịch, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương, đấu tranh đẩy lùi hủ tục, văn hóa ngoại lai. Phát huy tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”.

9. Sở Ngoại vụ: Tham mưu thực hiện các giải pháp tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam và các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài để đẩy mạnh hợp tác về lĩnh vực nông nghiệp. Thông tin kịp thời danh sách cảnh báo các sản phẩm có nguy cơ bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp đến các cơ quan, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

10. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Lai Châu và các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững và các nội dung của Kế hoạch này tới toàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ các mục tiêu, định hướng và giải pháp của Chiến lược và Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch thực hiện và bố trí kinh phí địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp nông thôn.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung của Chiến lược đến các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, HTX... với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, địa phương.

- Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: V2, V3, CB;
- Lưu: VT, Kt6, Kt1.

(B/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

Phụ lục: CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu đến 2030	Trong đó chia ra							
				TP Lai Châu	Tam Đường	Tân Uyên	Than Uyên	Phong Thổ	Sìn Hồ	Nậm Nhùn	Mường Tè
1	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	230.000	7.900	42.000	28.000	34.000	37.000	49.000	14.000	18.100
2	Diện tích lúa hàng hóa	Ha	3.500	300	600	500	1.500	160	200	100	140
	Trong đó: Lúa đặc sản	Ha	2.000	290	450	500	600	160			
3	Diện tích chè	Ha	10.202	1.020	2.026	3.576	2.027	839	714		
	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	90.000	12.000	19.000	40.000	12.000	4.000	3.000		
4	Diện tích cây ăn quả tập trung	Ha	9.823	51	1.054	1.110	600	4.441	1.345	522	700
5	Diện tích cây mắc ca	Ha	35.000	269	2.293	4.619	2.714	1.684	1.431	5.190	16.800
6	Tốc độ tăng đàn gia súc	%	5	5,0	6,5	6,8	5,3	4,5	4,4	3,8	4,0
7	Trồng rừng mới, trồng lại rừng	Ha	35.000	760	2.865	6.215	5.765	2.165	7.460	3.510	6.260
8	Tỷ lệ che phủ rừng	%	56	27,02	51,80	43,31	42,05	45,71	44,90	58,84	68,48
9	Diện tích rừng có chứng chỉ rừng bền vững	Ha	1.000					200	500	300	
10	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	66	2	12	9	11	10	11	5	6
	Trong đó: số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	9	1	2	3	2	1	0	0	0
11	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	70	100	100	100	100	62,5	52	50	46
12	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Huyện	4	1	1	1	1				